

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ- ST

Ngày: 28/5/2018

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dương

2. Ông Nguyễn Văn Bạ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở TAND thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 452/2017/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 9 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT: khu dân cư Đ, phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

Hiện cư trú: khu dân cư K, phường V, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982

Nơi ĐKKHKT: khu dân cư Đ, phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

Chị Q có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn và bị đơn trình bày: Anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03/6/2005 tại UBND xã C, huyện C (nay là phường, thị xã C). Anh chị chung sống hòa thuận được một thời

gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Q trình bày mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh do anh T mãi chơi, hay tụ tập bàn bè mà không chịu khó làm kinh tế xây dựng gia đình. Chị có khuyên giải nhưng anh T không nghe mà còn đánh đập chị. Đến tháng 11 năm 2011 thì chị đi lao động tại Đài Loan. Cuối năm 2014 chị có về nghỉ phép nhưng thấy anh T không thay đổi, không tu chí làm ăn. Vì vậy chị tiếp tục đi Đài Loan. Quá trình ở Đài Loan, hai anh chị có điện thoại cho nhau nhưng hai vợ chồng luôn cãi nhau vì bất đồng quan điểm. Đến tháng 11 năm 2017 chị về nước nhưng không về chung sống với anh T. Hiện nay chị xác định tình cảm không còn và yêu cầu xin ly hôn. Tuy nhiên theo anh T trình bày thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn khi chị Q về nghỉ phép năm 2014 vì anh không muốn cho chị Q tiếp tục đi lao động ở nước ngoài nữa. Nhưng sau đó anh vẫn đồng ý nên tình cảm vợ chồng bình thường, không có mâu thuẫn. Đến cuối năm 2017 thì chị Q về nước nhưng không về nhà anh T nữa. Nay chị Q xin ly hôn thì anh T không đồng ý.

Về con chung: Anh chị đều xác định có 1 con chung là Nguyễn Văn P, sinh ngày 12-2-2006. Hiện cháu P đang ở cùng anh Toàn. Nếu vợ chồng ly hôn thì anh T xin nuôi con, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng và chị Q cũng chấp nhận yêu cầu này của anh T.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và đóng góp gì với công sức gia đình hai bên nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh, trưởng khu dân cư Đ, phường C cung cấp: chị Q và anh T kết hôn và chung sống cùng nhau tại gia đình mẹ đẻ của anh T là bà Nguyễn Thị M. Quá trình chung sống, chị Q có đi lao động ở nước ngoài 2 lần. Khi về nước lần 1 vào năm 2014 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau do không thống nhất được việc chị Q muốn đi lao động tiếp nhưng anh T không đồng ý. Sau khi về nước lần 2 năm 2017 thì chị Q không ở cùng anh T nữa. Về con chung: anh chị có 1 con chung là cháu Nguyễn Văn P, sinh năm 2006. Hiện cháu đang ở cùng anh T. Nếu ly hôn thì đề nghị Tòa án giao cho anh T nuôi dưỡng. Hiện nay anh T làm thợ xây với mức thu nhập 200.000 đồng/ngày.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ của anh T xác định: nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị chủ yếu xuất phát từ việc chị Q muốn tiếp tục đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan nhưng anh T không đồng ý. Trong lúc nóng giận, giữa anh T và chị Q có cãi nhau khiến chị Q bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Sau đó bà có sang nói chuyện thì hai vợ chồng thống nhất để chị Q tiếp tục đi nước ngoài. Nhưng từ khi về nước vào cuối năm 2017 thì chị Q không chung sống với anh T nữa mà sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06-4-2018, bà Trần Thị C là mẹ đẻ của chị Q trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là do khi chị Q đi lao động về nghỉ phép vào năm 2014, anh chị có cãi nhau dẫn đến anh T có đập phá xe máy, đốt quần áo, giấy tờ tùy thân của chị Q. Sau đó chị Q tiếp tục đi lao động đến năm 2017 về nước. Từ đó chị Q ở cùng gia đình bà, không về chung sống cùng anh T nữa. Anh T có sang nhà bà vài lần nhưng lại có lời lẽ xúc phạm bà chứ không có ý mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Hiện nay con chung của anh chị là cháu Nguyễn Văn Pđang ở cùng anh T.

Tại phiên tòa, chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao con chung của vợ chồng là Nguyễn Văn P, sinh ngày 12-2-2006 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Q khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Nguyễn Văn T có địa chỉ cư trú tại phường C, thị xã C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Q và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 03-6-2005 tại UBND xã C, huyện C (nay là phường C, thị xã C), tỉnh Hải Dương nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, anh chị nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh chị bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Anh T hay chơi bời, tụ tập bạn bè, ít chịu khó làm kinh tế xây dựng gia đình. Khi chị có góp ý thì anh T không những không nghe mà còn chửi bới, đánh đập. Khi chị Q đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan về nghỉ phép giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau vì chị Q muốn tiếp tục đi nhưng anh T không đồng ý. Sau đó chị Q tiếp tục đi lao động nhưng hai vợ chồng ít liên lạc, thăm hỏi. Cuối năm 2017, chị Q về nước nhưng không trở về chung sống cùng anh T. Vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay. Anh T cũng không gặp chị Q để nói chuyện và khuyên giải chị quay về chung sống. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho anh và chị hòa giải. Nhưng thực tế anh T không có biện pháp tích cực để cải thiện quan hệ vợ chồng. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, vợ chồng vẫn sống ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Văn P, sinh ngày 12-02-2006. Hiện nay con chung đang ở cùng anh T. Khi ly hôn anh chị đều thống nhất giao cháu P cho anh T nuôi dưỡng và anh T không yêu cầu chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con. Tại bản tự khai ngày 22-3-2018, cháu P cũng có nguyện vọng ở với anh T. Từ trước đến nay, cháu P đều ở với anh T. Bản thân anh T hiện làm thợ xây với mức thu nhập 200.000 đồng/ngày. Vì vậy việc giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế của anh, phù hợp nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi, phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Văn P, sinh ngày 12-2-2006 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đồi trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị Q đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0000341 ngày 21/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị Q đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Chí Linh;
- UBND phường C, thị xã C;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà